TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 29/08/2025
"V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ửng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hạnh và bà Nguyễn Thị Hải Âu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLPT-HNGĐ, ngày 26 tháng 06 năm 2025 về việc "*Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 27,31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 61/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 06 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lộc Văn S, sinh năm 1980 - có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng

- *Bị đơn*: Bà Quách Thị T, sinh năm 1983 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Quách Thị T: Ông Nguyễn Văn H – có mặt.

Địa chỉ: Bon K, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân huyện K (Nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng) – vắng mặt

+ Chi Cục Thi hành án dân huyện Krông Nô, tỉnh Đăk Nông (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng) – vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã E, tỉnh Đăk Nông (Nay là Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lâm Đồng) – vắng mặt

+ Bà Huỳnh Thị Như T1 – có mặt

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Ngô Nguyên Đ và bà Lê Thị Mỹ N – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Q, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Lê Văn D và bà Bùi Thị T2 – vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Trương Thị B - có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt

Địa chỉ: Số A đường L, xã L, Tp Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

+ Ông Quách Văn L, sinh năm 1960 - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Lang Văn T3 - vắng mặt

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Ông Lục Văn K, sinh năm 1957 - vắng mặt

Cùng địa chỉ: Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Lộc Văn S trình bày:*

Ông Lộc Văn S và bà Quách Thị T kết hôn năm 2004, ngày 21/8/2017 bà T và ông S đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thuận của các đương sự số 81/2017/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng). Về tài sản chung, bà T và ông S thỏa thuận bà T sẽ lấy 70.000.000 đồng tương đương ½ giá trị tài sản khi ông S bà T mua của ông V năm 2012 là 140.000.000 đồng còn lại toàn bộ

tài sản chung là của ông S, ông S nuôi các con, các bên lập biên bản họp gia đình ngày 07/5/2017 về việc phân chia tài sản và thỏa thuận về con chung cụ thể:

Bà T, ông S thỏa thuận phân chia 01 khu đất rẫy tọa lạc tại thôn P, xã Q, huyện K, diện tích khoảng 25.975,7m^2 và 01 ao nước diện tích 329,2m^2 và tài sản trên đất, đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Phần tài sản bà T được phân chia là 7.000 m^2 diện tích đất và tài sản trên đất, phần còn lại là của ông S. Tuy nhiên bà T không lấy đất và tài sản trên đất nên thỏa thuận ông S có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 70.000.000 đồng. Về con chung ông S là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Sau khi có sự thỏa thuận, ông S đã giao đủ số tiền 70.000.000 đồng cho bà T, đồng thời nhận toàn bộ tài sản chung diện tích khoảng 25.975,7m^2 và 01 ao nước diện tích 329,2m^2 và tài sản trên đất có nguồn gốc ông S, bà T mua của ông V năm 2012, đất tại thôn P, xã Q, huyện K.

Tại phiên tòa ông S vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết giao toàn bộ diện tích đất 25.975,7m^2 và 01 ao nước diện tích 329,2m^2 và tài sản trên đất có nguồn gốc ông S, bà T mua của ông V năm 2012, đất tại thôn P, xã Q, huyện K cho ông S vì ông đã giao đủ số tiền 70.000.000 đồng cho bà T. Ông đồng ý đối với chi phí Thi hành án 4.000.000 đồng mỗi người chịu 1/2, và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá lần 2 ông S chịu.

- *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai bị đơn* Quách Thị T, *và người đại diện theo uỷ quyền của bà* T *là ông* Nguyễn Văn H *trình bày:* Bà Quách Thị T và ông Lộc Văn S đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thuận của các đương sự số 81/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông. Theo nội dung quyết định số 81/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 21/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút về tài sản chung, nợ chung bà T, ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T và ông S thỏa thuận phân chia tài sản chung theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 07/5/2017 về việc phân chia tài sản và thỏa thuận về con chung, tuy nhiên sau khi có quyết định ly hôn ông S đã giao lại hai con chung cho bà T nuôi dưỡng. Vì vậy, bà T không chấp nhận phân chia tài sản theo biên bản họp gia đình ngày 07/5/2017 và yêu cầu Tòa án phân chia theo quy định của pháp luật các tài sản bao gồm:

- 01 lô đất rẫy tọa lạc tại thôn P, xã Q, huyện K diện tích khoảng 2,8 hécta (lô đất chưa được cấp QCNQSDĐ);

- 01 nhà cấp 4 xây dựng năm 2014 trên diện tích đất này có diện tích 40 m^2;

- 1200 cây cà phê trồng năm 2012; 400 trụ tiêu trồng năm 2012; 01 máy xay tiêu; 02 máy xay cà phê; 01 tấm pin năng lượng mặt trời; 02 máy nổ.

Đối với số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu mà đồng) mà ông S đã đưa cho bà T theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 07/5/2018 bà T chấp nhận trả lại cho ông S.

Bà T yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung theo tỷ lệ mỗi người ½ diện tích đất và tài sản trên đất.

Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của bà T ông Nguyễn Văn H trình bày: Lý do bà T yêu cầu chia tài sản chung lại là vì ông S không chịu nuôi con sau khi có quyết định ly hôn mà trả lại con Lộc Văn N1 cho bà nuôi nên bà T mới thay đổi yêu cầu chia tài sản. Đề nghị Toà án chia ½ giá trị tài sản chung của ông S, bà T bao gồm đất tài sản trên đất tại thôn P, xã Q như bản án sơ thẩm và bản án phúc thẩm lần 1 đã tuyên. Ông đồng ý đối với chi phí Thi hành án 4.000.000 đồng mỗi người chịu ½, đối với việc đình chỉ xác định lại tư cách đương sự trong vụ án ông không có ý kiến.

- *Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* UBND huyện K *trình bày*: Qua kiểm tra hồ sơ địa chính xác định diện tích đất 26.949m^2 thuộc khoảnh 8 tiểu khu A và một phần diện tích thuộc khoảnh 9 tiểu khu A. Đối với diện tích đất thuộc khoảnh 9 tiểu khu A đã được UBND tỉnh thu hồi của công ty L1 theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 13/02/2015 và giao cho UBND huyện K bố trí sử dụng theo quy hoạch kế hoạch sử dụng đất, theo kế hoạc thì phần diện tích thuộc khoảnh 9 tiểu khu A được quy hoạch trồng cây lâu năm. Đối với phần diện tích đất thuộc khoảnh 8 tiểu khu A đã được UBND tỉnh thu hồi của công ty L1 theo Quyết định số 2443/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 và giao cho UBND huyện K bố trí sử dụng tuy nhiên chưa có phương án sử dụng đất. Thửa đất đang tranh chấp trên hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất chưa có phương án sử dụng đất nên UBND huyện K không có ý kiến đối với các trường hợp tranh chấp như trên, đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan* UBND xã E, huyện C, tỉnh Đăk Nông *trình bày*: Ngày 16/5/2017, UBND xã E có tiếp nhận biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản đề ngày 07/5/2017 của ông Lộc Văn S và bà Quách Thị T, UBND xã có ký xác nhận chứng thực chữ ký Lộc Văn S, Quách Thị T trong giấy thoả thuận phân chia tài sản là của ông S, bà T, UBND xã không xác nhận nội dung của biên bản họp gia đình của ông S, bà T, trường hợp Toà án nhân dân huyện Krông Nô xác định UBND xã E là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì đề nghị giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krong Nô trình bày*: Căn cứ Bản án số 19/2018/HNGĐ-ST và Bản án số 06/2019/HNGĐ-PT ngày 29/5/2019 của Toà án nhân dân tỉnh Đăk Nông. Chi Cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô đã ban hành Quyết đinh thi hành án chủ động

số 531/QĐ-CCTHADS ngày 31/7/2019; Quyết đinh thi hành án chủ động số 532/QĐ-CCTHADS ngày 31/7/2019; Quyết đinh thi hành án theo đơn số 519/QĐ-CCTHADS ngày 17/7/2019 để tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật đối với các bản án trên, cụ thể: Bà Quách Thị T đã thi hành xong tiền APDSST số tiền 21.980.050 đồng, tạm giao bà T diện tích đất 13.827,4m^2 tại thôn P, xã Q, huyện K (thuộc khoảnh 8, tiểu khu1237 và khoảnh I tiểu khu A), tài sản trên đất 380 cây cà phê trồng năm 2013, 200 trụ tiêu trồng năm 2017, riêng 45 cây bơ trồng năm 2016, 01 máy xay cà phê, 01 máy nổ có gắn đầu bơm, bà T đề nghị đình chỉ thi hành án. Ngày 07/9/2020, TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh có ban hành QĐ số 13/2020/KN-HNGĐ v/v Kháng nghị giám đốc thẩm đối với bản án số 06/2019/HNGĐ-PT ngày 29/5/2019 của TAND tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô đã ba nhành QĐ số 01/QĐ-CCTHADS, ngày 25/9/2020 v/v Tạm đình chỉ thi hành án đồng thời ban hành công văn số 514TB-CCTHADS, ngày 28/9/2020 v/v Kết quả thi hành án vụ bà T, ông S. Bà T đã nộp các khoản tiền tạm ứng án phí 9.700.000 đồng ngày 28/11/2017, số tiền án phí 12.280.000 đồng vào ngày 26/8/20219, số tiền 10.472.000 đồng phí thi hành ngày 04/12/2019, ông S nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm ngày 03/12/2018. Đối với ông Lộc Văn S đã thi hành án phí dân sự sơ thẩm số tiền 300.000 đồng, số tiền án phí dân sự sơ thẩm 21.980.050 đồng, số tiền ông S trả chênh lệch ông S phải trả cho bà T 20.373.000 đồng và số tiền 6.557.000 đồng ông S phải trả cho bà T chưa thi hành. Thi hành án đã tạm ứng chi phí ra số tiền 4.000.000 đồng đề nghị các đương sự trả lại để hoàn tiền cho Nhà N2.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bà Huỳnh Thị Như T1 trình bày*: Bà T1 và ông S kết hôn vào tháng 01 năm 2018, bà đề nghị Tòa án giải quyết giao toàn bộ diện tích đất 25.975,7m^2 và 01 ao nước diện tích 329,2m^2 và tài sản trên đất cho ông Lộc Văn S.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Ngô Nguyên Đ, bà Lê Thị Mỹ N trình bày*: Vào cuối năm 2022 ông Đ, bà N có mượn 1,3ha vườn cà phê của ông Lê Văn D ngụ cùng thôn P, xã Q, huyện K để canh tác, khi nhận thì vườn cây xơ xác, ông Đ, bà N đã đầu tư chăm sóc phục hồi vườn cây nguyên cả năm không thu hoạch được đồng nào. Mùa vụ 2024 ông Đ, bà N đầu tư với khoản tiền khoảng 46.000.000 đồng vào vườn rẫy, nay ông có nguyện vọng yêu cầu Toà án cho ông được thu hoạch sản lượng cà phê vụ này để thu hồi vốn vì hoàn cảnh khó khăn, sau đó sẽ trả lại cho ông D. Quá trình giải quyết vụ án thì ông bà T1, ông S có thỏa thuận lập thành văn bản là ông được thu hoạch sản lượng cà phê niên vụ 2023-2024 sau đó sẽ trả đất cho ông S, bà T1, đối với sản lượng tiêu chưa thu hoạch thì ông đã lấy 10.000.000 đồng từ ông S, bà T1. Sau đó về nhà nghĩ lại nên ông có văn bản thông báo đề nghị chấm dứt thỏa thuận giao đất ngày 03/12/2024, tại phiên tòa anh đồng ý trả đất cho bà T, anh không có yêu cầu độc lập.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ông Lê Văn D trình bày:* Năm 2019 bà Trương Thị B mua diện tích đất của bà Quách Thị T thì ông là người làm chứng, sau đó bà B bán lại cho ông diện tích đất trên và 01 căn nhà với tổng số tiền 420.000.000 đồng, sau khi mua ông cho bà T4 mượn canh tác khoảng 02 năm đến năm 2022 ông cho anh Ngô Nguyên Đ mượn canh tác, ông không trồng thêm gì trên đất. Quá trình giải quyết vụ án thì ông D, bà T1, ông S có thỏa thuận lập thành văn bản ông sẽ giao đất cho ông S, bà T1 từ ngày 01/01/2025. Sau đó về nhà nghĩ lại nên ông có văn bản thông báo đề nghị chấm dứt thỏa thuận giao đất ngày 03/12/2024, tại phiên tòa ông trả lại đất cho bà T đề nghị Toà án giúp làm việc với bà Trương Thị B. Ông D không có yêu cầu độc lập.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T2 trình bày:* Bà sống chung như vợ chồng với ông D, tiền bà góp mua đất chung với ông D, bà đồng ý với ý kiến của ông D, bà không có yêu cầu độc lập.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị B* trình bày: Có sự việc bà mua của bà T diện tích tích đất rẫy tại thôn P xã Q, huyện K với giá tiền là 280.000.000 đồng và căn nhà cùng đất ở bằng giấy viết tay, sau đó bà bán lại cho ông D 430.000.000 đồng bà đã đưa hết giấy tờ mua bán cho ông D, bà không có yêu cầu độc lập.

** Người làm chứng ông Lang Văn T3, ông Quách Văn L và ông Lục Văn K trình bày:*

Những người làm chứng đều thừa nhận có chứng kiến việc bà T, ông S thỏa thuận phân chia tài sản chung theo biên bản họp gia đình ngày 07/5/2017 tại C và không có ý kiến gì về việc ông S, bà T yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 27, 31-3-2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông Lộc Văn S:

1. Tạm giao cho ông Lộc Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 25.943,7m^2, ao nước tưới diện tích 329,2m^2 thuộc khoảnh 8 tiểu khu A và khoảnh 9 tiểu khu A tọa lạc tại thôn P xã Q, huyện K cho đến khi có Quyết định của UBND huyện K về việc quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đối với diện tích đất trên, trường hợp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và thuộc đối tượng được cấp giấy chứng hận quyền sử dụng đất thì đây là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét quyết định, đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

- Cạnh Đông tiếp giáp đất của ông Hoàng Văn N3 sử dụng dài 82,6 m;

- Cạnh Tây tiếp giáp đất của ông A tính từ điểm 14 kéo dài xuống hướng Nam tại điểm 11 dài 95,38 m;

- Cạnh Nam tiếp giáp đất của ông A đang sử dụng dài 315,44 m;

- C: Tiếp giáp đất của ông Nguyễn Văn V1 đang sử dụng và 01 phần đường đất dài 312,29 m.

(Có trích lục đo hiện trạng thửa đất kèm theo).

2. Giao ông Lộc Văn S tiếp tục được canh tác sử dụng đối với toàn bộ tài sản trên đất 1092 cây cà phê ông S, bà T trồng năm 2012, 2013; 01 nhà xây cấp 4, cây ăn quả ông S, bà T trồng năm 2012, 2013 và số cây trồng ông S, bà T1 trồng chung từ năm 2018.

3. Ông Lộc Văn S phải trả cho bà Quách Thị T số tiền còn lại 139.410.000 đồng (Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng), tương đương giá trị tài sản trên đất bà Quách Thị T được chia, sau khi đã trừ đi số tiền 70.000.000 đồng ông S đã thanh toán.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

4. Tuyên bố thỏa thuận phân chia tài sản ngày 07/5/2017 giữa ông S, bà T được chứng thực ngày 16/5/2017 vô hiệu 1 phần đối với nội dung chia tài sản chung là quyền sử dụng đất 25.943,7m^2, ao nước tưới diện tích 329,2m^2 thuộc khoảnh 8 tiểu khu A và khoảnh 9 tiểu khu A tọa lạc tại thôn P xã Q, huyện K.

5. Dành quyền khởi kiện cho bà Trương Thị B đối với bà Quách Thị T về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu có yêu cầu.

6. Dành quyền khởi kiện cho ông Lê Văn D đối với bà Trương Thị B về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu có yêu cầu.

7. Về chi phí xem xét thẩm thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lần 1: Bà Quách Thị T phải chịu số tiền 13.114.000 đồng (mười ba triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ lần 1 và số tiền 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng) chi phí định giá tài sản được trừ vào số tiền 13.114.000 đồng (mười ba triệu một trăm mười bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí bà T đã nộp xong.

8. Giải quyết hậu quả của việc thi hành án

- Chi phí Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô tạm ứng 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cưỡng chế giao đất cho bà T theo bản án DSPT số 06/2019/HS-PT ngày 29/5/2019. Buộc ông Lộc Văn S phải nộp số tiền 2.000.000

(Hai triệu đồng) chi phí cưỡng chế thi hành án, Buộc bà Quách Thị T phải nộp 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) chi phí cưỡng chế thi hành án.

- Đối với những khoản: Ông S phải nộp APDSST 21.980.000 đồng; ông S giao cho bà T 45 cây bơ, 01 máy xay tiêu, 01 máy nổ; ông S trả bà T 20.373.000 đồng + 6.557.000 đồng đình chỉ và chưa thi hành nên không giải quyết. Trả lại cho ông Lộc Văn S số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Đối với tiền bà T nộp phí THA 3% tương đương giá trị tài sản được nhận theo bản án 06/2019/HS-PT ngày 29/5/2019, bản án đã bị hủy nên trả lại tiền phí THA cho bà T 10.472.000 đồng (Mười triệu bốn trăm bảy mười hai nghìn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/04/2025, bị đơn bà T kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm; ngày 14/4/2025 nguyên đơn ông S kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, xem xét lại số tiền 139.410.000 đồng phải trả cho bị đơn.

Ngày 15/4/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông nô kháng nghị đề nghị hủy bán án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn và nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và lời khai như trong quá trình giải quyết vụ án. Các bên đương sự không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các đương sự, hủy bản án sơ thẩm số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 27,31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (Nay là Tòa án khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị trong thời hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2]. Theo Quyết định giám đốc thẩm số 07/2022/HNGĐ-GĐT ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại TP ., bản án sơ thẩm số 19/2018/HNGĐ-ST của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô và bản án phúc thẩm số 06/2019/HNGĐ-PT của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã bị hủy, hồ sơ được giao về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Nô (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9) để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nội dung bản án thể hiện, quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có yêu cầu phản tố, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có yêu cầu độc lập. Nguyên đơn (bà T) đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt. Lẽ ra, trong trường hợp này Tòa án phải lập biên bản hỏi ý kiến của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đồng ý việc đình chỉ giải quyết vụ án không? Nếu đồng ý thì Tòa án quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án và đồng thời giải quyết hậu quả của của việc thi hành án, các vấn đề khác có liên quan (nếu có); nếu không đồng ý thì Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại khoản 4 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, Tòa án sơ thẩm thay đổi tư cách tố tụng, xác định bà T từ nguyên đơn thành bị đơn, ông S từ bị đơn thành nguyên đơn và tuyên xử "*Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn ông* Lộc Văn S*"* trong khi ông S không có đơn yêu cầu phản tố (khởi kiện) là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét nội dung giải quyết và yêu cầu kháng cáo, kháng nghị:

[2.2.1]. Hồ sơ thể hiện, sau khi bản án phúc thẩm số 06/2019/HNGĐ-PT ngày 29/5/2019 có hiệu lực, theo yêu cầu của đương sự Cơ quan thi hành án đã thi hành bản án giao mỗi bên nhận 1/2 diện tích đất theo quyết định của bản án có hiệu lực pháp luật. Sau khi thi hành án, bà T đã chuyển nhượng cho bà Trương Thị B; bà B tiếp tục chuyển nhượng cho ông Lê Văn D và bà Bùi Thị T2; sau đó, ông D và bà T2 cho anh Ngô Nguyên Đ và bà Lê Thị Mỹ N thuê đất để canh tác, sử dụng. Việc chuyển nhượng, cho thuê đất đều thể hiện bằng văn bản và các bên thừa nhận không tranh chấp. Lẽ ra, khi giải quyết lại vụ án cấp sơ thẩm phải xác minh diện tích đất là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đang có tranh chấp có thay đổi quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất so với tại thời điểm xét xử sơ thẩm trước (năm 2018) không?, trong tổng diện tích nêu trên có phần diện tích nào đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất theo quy định pháp luật đất đai hiện hành, phần diện tích nào thuộc đất rừng không được cấp? ý kiến của cơ quan có thẩm quản lý đất đai về vị trí, diện tích đất các đương sự đang tranh chấp như thế nào? Trường hợp diện tích đất của các bên được chia theo quy định pháp luật thì Tòa án nên chia mỗi bên ½ diện tích đất như bản án phúc thẩm năm 2019 để bảo vệ quyền, lợi

ích hợp pháp của người thứ ba ngay tình theo quy định tại khoản 2 Điều 133 Bộ luật dân sự mới đúng.

[2.2.1]. Khi chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp của các giao dịch chuyển quyền sử dụng đất theo bản án đã có hiệu lực pháp luật nhưng Tòa án sơ thẩm tuyên "*Tạm giao cho ông Lộc Văn S được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 25.943,7m^2, ao nước tưới diện tích 329,2m^2 thuộc khoảnh 8 tiểu khu A và khoảnh 9 tiểu khu A tọa lạc tại thôn P xã Q, huyện K ...",* trong khi bà T là người khởi kiện là có sự nhầm lẫn trong việc áp dụng pháp luật, việc đánh giá chứng cứ không toàn diện, khách quan làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích của nguyên đơn (bà T) và những người có quyền lợi, nghia vụ liên quan.

[3]. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ và có vi phạm nghiêm trọng khác về thủ tục tố tụng như nhận định nêu trên ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Do vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát tuyên hủy bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 05/2025/HNGĐ-ST ngày 27,31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sẽ được xem xét, quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần, bản án sơ thẩm bị hủy nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 05/2025/HNGĐ-ST ngày 27,31/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng) và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng**:** sẽ được xem xét, quyết định khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm**:** Ông Lộc Văn S, bà Quách Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ông Lộc Văn S, bà Quách Thị T số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0008322 ngày 05/05/2025 và số 0008314 ngày 23/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa phúc thẩm TANDTC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;
- TAND khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng THADS khu vực 9, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: Tổ thụ lý; Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Ửng